

# VỀ THỂ CHẾ PHÁP LÝ NHÂN DÂN GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

ÂU THỊ TÂM MINH\*

*Trong bối cảnh đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, giám sát của Nhân dân đối với việc thực hiện quyền lực nhà nước của chính quyền địa phương có ý nghĩa quan trọng nhằm ngăn ngừa mọi biểu hiện của sự tha hóa quyền lực và bảo đảm quyền lực nhà nước thực sự thuộc về Nhân dân. Bài viết phân tích thể chế pháp lý Nhân dân giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước của chính quyền địa phương ở Việt Nam hiện nay. Chỉ ra các hạn chế, bất cập, từ đó xác định một số giải pháp nhằm hoàn thiện thể chế, bảo đảm tốt hơn vai trò giám sát của Nhân dân đối với việc thực hiện quyền lực nhà nước của chính quyền địa phương ở Việt Nam thời gian tới.*

*Từ khóa: Thể chế pháp lý; Nhân dân; giám sát; chính quyền địa phương; quyền lực nhà nước. In the context of promoting decentralization, and the People's supervision over the exercise of state power by local government, it is crucial to prevent any manifestation of power alienation and ensure genuine state power belongs to the People. The article analyzes the legal framework for the People's supervision over the exercise of state power by local government in Vietnam today, identifying limitations and shortcomings, and proposing solutions to enhance the framework, ensuring better monitoring roles for the people over the exercise of state power by local government in Vietnam in the future.*

*Keywords: Legal institutions; the People; supervision; local government; state power.*

NGÀY NHẬN: 12/5/2024

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 19/6/2024

NGÀY DUYỆT: 16/7/2024

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.342.2024.902>

## 1. Đặt vấn đề

Chính quyền địa phương giữ vai trò then chốt trong việc triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, gắn bó mật thiết với Nhân dân, trực tiếp giải quyết các vấn đề nảy sinh trong đời sống xã hội, tác động trực tiếp đến các quyền, lợi ích, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức. Giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước của chính quyền địa phương là yêu cầu khách quan nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu

quả hoạt động của chính quyền địa phương, bảo đảm việc thực hiện quyền lực đúng mục đích, ngăn ngừa hành vi lạm quyền, lạm quyền, bảo đảm tính dân chủ và pháp quyền trong hoạt động của chính quyền địa phương. Trong bối cảnh đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hiện nay, giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước của chính quyền địa

\* ThS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

phương càng có ý nghĩa cấp thiết. Điều 5 *Luật Tổ chức chính quyền địa phương* năm 2015 quy định rõ chính quyền địa phương tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc “minh bạch, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân”.

Tuy nhiên, để Nhân dân phát huy được vai trò giám sát trên thực tế, cần có một khung khổ thể chế pháp lý đầy đủ, đồng bộ và hoàn thiện làm cơ sở để Nhân dân thực hiện các hoạt động giám sát đối với chính quyền địa phương.

Thể chế pháp lý Nhân dân giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước của chính quyền địa phương có thể hiểu là tổng thể các quy phạm pháp luật có mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động giám sát của Nhân dân đối với việc thực hiện quyền lực nhà nước của chính quyền địa phương; giúp xác lập những quyền, khả năng, nội dung, phương thức và điều kiện pháp lý bảo đảm để Nhân dân giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước của chính quyền địa phương.

## **2. Thể chế pháp lý Nhân dân giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước của chính quyền địa phương ở Việt Nam hiện nay**

Những năm qua, thể chế pháp lý Nhân dân giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước của chính quyền địa phương đã từng bước được hoàn thiện. Phạm vi, nội dung giám sát của Nhân dân được thể hiện trong các quy định pháp luật về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương, về quyền công dân, về thực hiện dân chủ trực tiếp, dân chủ ở cơ sở cũng như pháp luật về các lĩnh vực cụ thể. Theo đó, Nhân dân giám sát việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước của cơ quan chính quyền địa phương, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức địa phương.

Nhân dân thực hiện giám sát bằng nhiều phương pháp, như: quan sát, theo dõi, xem xét, đánh giá, khiếu nại, tố cáo, gửi kiến nghị, đề xuất, ý kiến đóng góp tới cơ quan, người

có thẩm quyền, yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật, đề nghị người có thẩm quyền xem xét trách nhiệm cá nhân vi phạm pháp luật, đề nghị chưa thi hành hoặc đình chỉ việc thi hành các quyết định hành chính, dự án, đề án ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân...

Ngoài ra, các quy định về cải cách hành chính cho phép đánh giá mức độ tín nhiệm chính quyền, chất lượng dịch vụ công, lấy ý kiến Nhân dân thông qua các phần mềm, ứng dụng điện thoại, mạng xã hội, cho phép người dân sử dụng thiết bị công nghệ để giám sát hoạt động của cán bộ, công chức,... qua đó làm tăng khả năng giám sát của Nhân dân và mức độ phản hồi của chính quyền. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu, dịch vụ công trực tuyến, sự trợ giúp của các tiện ích công nghệ hiện đại... đã giúp mở rộng các kênh thông tin, tạo điều kiện tra cứu, công khai, minh bạch và tiếp cận thông tin, tương tác giữa các tầng lớp nhân dân, tạo sức mạnh cộng hưởng trong hoạt động giám sát<sup>1</sup>; có vai trò quan trọng giúp ngăn ngừa, phát hiện, chấn chỉnh các biểu hiện quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu Nhân dân và các biểu hiện tiêu cực khác.

Về trình tự, thủ tục giám sát, hoạt động giám sát của Nhân dân trong từng lĩnh vực giám sát được quy định cụ thể tại *Luật Tiếp cận dân* năm 2013; *Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân* năm 2015; *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); *Luật Khiếu nại* năm 2011; *Luật Tố cáo* năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); *Luật Tiếp cận thông tin* năm 2016; *Luật Phòng, chống tham nhũng* năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở* năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;...

Về hậu quả pháp lý, pháp luật xác định trách nhiệm giải trình, cung cấp thông tin của chính quyền địa phương, chế độ báo cáo trước Nhân dân, trách nhiệm xem xét, tiếp thu ý kiến, góp ý, giải quyết các kiến nghị, phản ánh của Nhân dân.

Tuy nhiên, có thể thấy, các quy định về giám sát của Nhân dân đối với việc thực hiện quyền lực nhà nước của chính quyền địa phương khá tản mạn, nằm rải rác trong nhiều văn bản với mức độ và hiệu lực pháp lý khác nhau. Có những quy định dưới dạng văn bản dưới luật, quy chế nên giá trị thấp; có những quy định chồng chéo, chưa đầy đủ, chưa cụ thể, chưa tạo ra cơ chế đồng bộ, toàn diện, thống nhất, minh bạch, khả thi để thực hiện giám sát hiệu quả.

Quy định về vị trí, vai trò, quyền giám sát của Nhân dân chưa thực sự mạnh mẽ; các hình thức giám sát trực tiếp thể hiện ý chí tập thể, cộng đồng chưa được ghi nhận đầy đủ. Quyền đề xuất, kiến nghị của Nhân dân mới chỉ được ghi nhận ở mức độ cơ sở; công dân chưa có quyền đề xuất sáng kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương.

Quy định về công khai, minh bạch, tiếp cận thông tin, trách nhiệm giải trình của chính quyền địa phương còn hạn chế. Điều 6 *Luật Tiếp cận thông tin* quy định những trường hợp công dân không được tiếp cận thông tin. Tuy nhiên, tại Điều 17 lại liệt kê các thông tin mà công dân được phép tiếp cận. Cách quy định như vậy dẫn đến sự xuất hiện của một “phạm vi thứ ba” không rõ cơ quan nhà nước có nghĩa vụ phải công bố hay cung cấp hay không<sup>2</sup>. Vấn đề cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân, cơ quan, tổ chức còn bất cập. Trên thực tế, vẫn còn thiếu những bảo đảm pháp lý cho khả năng người dân và xã hội yêu cầu chính quyền địa phương thực hiện trách nhiệm giải trình.

Quy định về phạm vi giám sát chưa toàn diện. Việc lấy ý kiến nhân dân đã được quy định rải rác trong một số đạo luật chuyên ngành, như: *Luật Quy hoạch đô thị*, *Luật Đầu tư công*, *Luật Xây dựng*, *Luật Đất đai*... Tuy nhiên, trong lĩnh vực đất đai vẫn còn “thiếu văn bản hướng dẫn thi hành về quyền giám sát trong lĩnh vực đất đai; thiếu quy định về phản hồi ý kiến đóng góp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thiếu các quy định làm rõ

trình tự của hoạt động giám sát trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất<sup>3</sup>.

Trong quản lý quy hoạch đô thị “chưa rõ ý kiến cộng đồng được tiếp thu như thế nào, trách nhiệm giải trình ra sao, tỷ lệ ý kiến đồng thuận như thế nào thì đồ án quy hoạch sẽ được cơ quan có thẩm quyền thông qua”<sup>4</sup>. Các quy định về hình thức, phương pháp giám sát chưa đầy đủ, chưa tạo thành cơ chế đồng bộ để Nhân dân thực hiện giám sát. Pháp luật chưa quy định cụ thể về hình thức Nhân dân tham gia đối thoại với chính quyền về những nội dung trong quản lý, điều hành của chính quyền địa phương liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân. Pháp luật chưa có cơ chế cụ thể để Nhân dân tham gia vào việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hay các quyết sách của chính quyền địa phương; chưa có khung pháp lý hoàn thiện vận hành chính quyền điện tử để người dân có thể truy cập, tương tác trực tuyến với chính quyền địa phương.

Một số quyền công dân gắn với giám sát còn mang tính nguyên tắc, khó thực hiện trong thực tế, như bãi miễn đại biểu dân cử, trưng cầu ý dân, quyền hội họp, quyền biểu tình... Pháp luật hiện hành cũng thiếu quy định cụ thể về trưng cầu ý dân, đặc biệt ở cấp độ địa phương. Nhiều quy định liên quan đến quyền tố cáo của công dân chưa được hướng dẫn cụ thể tại *Luật Tố cáo* năm 2018, như: quyền tố cáo tiếp (Điều 9), giải quyết lại vụ việc tố cáo (Điều 37), giải quyết tố cáo trong trường hợp quá hạn (Điều 38)...

Về trình tự, thủ tục giám sát, pháp luật còn thiếu những quy định cụ thể về cơ chế tiếp nhận, xử lý thông tin, giải quyết, phản hồi kiến nghị giám sát. Trình tự, thủ tục tổ chức các hội nghị tiếp xúc cử tri còn rườm rà, chưa dành nhiều thời gian cho việc trao đổi, thảo luận, giải trình, tiếp thu ý kiến giữa cử tri và đại biểu dân cử...

Về tiếp công dân cũng chưa phân định rõ trách nhiệm tiếp công dân của cán bộ, công chức trong cơ quan và trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan; tiếp công

dân với nội dung khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân với nội dung kiến nghị, phản ánh. Mối quan hệ giữa trụ sở tiếp công dân với cơ quan thanh tra, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chưa đầy đủ. Thủ tục giải quyết khiếu nại cũng chưa bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, người khiếu nại ít có điều kiện tiếp cận thông tin, tài liệu về vụ việc...

Pháp luật cũng chưa có quy định về các biện pháp theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kiến nghị giám sát của Nhân dân, thiếu vắng chế tài đủ mạnh để ràng buộc trách nhiệm. Pháp luật tiếp công dân không quy định chi tiết về chế tài xử lý đối với cán bộ tiếp công dân nếu vi phạm pháp luật trong hoạt động tiếp công dân. Pháp luật tố tụng hành chính chưa quy định về hậu quả pháp lý nếu người bị kiện vi phạm nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ; chưa có những quy định thực sự hiệu quả để bảo đảm bản án, quyết định của tòa án được thi hành nghiêm chỉnh trên thực tế. *Luật Tổ chức chính quyền địa phương* cũng chưa quy định rõ chế tài đối với UBND cấp xã, chủ tịch UBND cấp xã trong trường hợp không tổ chức, chậm tổ chức hội nghị đối thoại với Nhân dân...

### 3. Giải pháp hoàn thiện thể chế pháp lý Nhân dân giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước của chính quyền địa phương

*Một là*, hoàn thiện thể chế pháp lý về tiếp xúc cử tri.

Cần thiết kế lại quy trình tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri bảo đảm khoa học, thực chất, phù hợp với các hình thức tiếp xúc cử tri khác nhau. Quy định rõ nội dung tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp tập trung vào việc đại biểu lắng nghe ý kiến, kiến nghị, tâm tư, nguyện vọng của cử tri. Quy định rõ về nội dung đại biểu báo cáo với cử tri ở đơn vị bầu cử về việc thực hiện nhiệm vụ đại biểu. Hướng hoạt động tiếp xúc cử tri tới cơ sở, các cộng đồng dân cư thay vì tập trung ở cấp huyện, cấp xã như hiện nay, khắc phục tình trạng tiếp xúc “đại cử tri”, “cử tri chuyên nghiệp”, tăng cường gặp gỡ, tiếp xúc với cá

nhân hoặc nhóm cử tri<sup>5</sup>. Cần có nhiều kênh hơn để cử tri liên hệ và tiếp xúc với đại biểu.

*Hai là*, hoàn thiện thể chế pháp lý về tiếp công dân.

Trong *Luật Tiếp công dân* nên tách nội dung tiếp công dân liên quan đến khiếu nại, tố cáo và nội dung tiếp công dân liên quan đến kiến nghị, phản ánh; phân định rõ trách nhiệm/nội dung tiếp công dân của cán bộ, công chức và của người đứng đầu để bảo đảm khoa học, hiệu quả, tránh chồng chéo, quá tải; có thể cho phép người đứng đầu ủy quyền việc tiếp công dân cho cấp phó nhưng phải quy định rõ trong trường hợp nào, nội dung gì có thể ủy quyền. Cụ thể hóa quy trình, trách nhiệm của cán bộ, công chức, chính quyền địa phương trong tổ chức tiếp dân và trong giải quyết các vấn đề được đặt ra tại cuộc tiếp dân. Xây dựng bộ quy tắc ứng xử trong tiếp công dân, quy định rõ chế tài xử lý đối với cán bộ tiếp công dân có hành vi vi phạm pháp luật.

Quy định rõ cơ chế phối hợp giữa Ban Tiếp công dân với cơ quan thanh tra các cấp, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét giải quyết khiếu nại, tố cáo; quy định rõ thẩm quyền xử lý trong quá trình theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền. Bên cạnh đó, cần rà soát, hoàn thiện pháp luật tiếp công dân đồng bộ với pháp luật về đất đai, về khiếu nại, tố cáo và các văn bản liên quan.

*Ba là*, hoàn thiện thể chế pháp lý về lấy ý kiến Nhân dân.

Có thể quy định cụ thể cơ quan có thẩm quyền phải tổ chức bao nhiêu cuộc tham vấn công chúng, bao nhiêu tổ chức, cơ quan ngoài nhà nước về dự thảo văn bản và bắt buộc có báo cáo đánh giá về quá trình tham vấn công chúng trước khi thông qua và ký ban hành<sup>6</sup>. Trong giám sát, đánh giá đại biểu dân cử, cán bộ, công chức địa phương có thể lấy ý kiến của cử tri và Nhân dân để đánh giá. Quy định rõ điều kiện, trình tự, thủ tục, xây dựng cơ chế bỏ phiếu tín nhiệm đối với đại

biểu dân cử theo định kỳ, cho phép các phương tiện truyền thông đại chúng hoặc cơ quan độc lập lấy ý kiến Nhân dân về mức độ tín nhiệm (thăm dò dư luận) kết hợp cơ chế bãi miễn khi không đạt chỉ số tín nhiệm.

*Bốn là*, hoàn thiện thể chế pháp lý về việc Nhân dân tham gia bàn bạc và quyết định các vấn đề ở cơ sở.

Nghiên cứu mở rộng phạm vi các nội dung Nhân dân được bàn và quyết định trực tiếp ở cơ sở. Nhà nước chỉ can thiệp, bãi bỏ quyết định của cộng đồng dân cư trong trường hợp trái *Hiến pháp* và pháp luật. Nghiên cứu bổ sung hình thức sáng kiến nhân dân, công nhận quyền của người dân trong việc đề xuất các vấn đề để cộng đồng dân cư hoặc chính quyền địa phương các cấp quyết định. Trong đó, các cuộc họp cộng đồng dân cư là diễn đàn để Nhân dân bàn bạc và quyết định các vấn đề của địa phương nơi cư trú. Thành phần tham dự các cuộc họp cộng đồng dân cư nên được quy định rõ không chỉ bao gồm các hộ gia đình có hộ khẩu thường trú mà còn bao gồm cả những người có đăng ký tạm trú, sinh hoạt thường xuyên tại địa phương.

*Năm là*, hoàn thiện thể chế pháp lý về hoạt động đối thoại giữa cá nhân, công dân, tập thể lao động, cộng đồng dân cư với chính quyền địa phương.

*Luật Tổ chức chính quyền địa phương* đã quy định trách nhiệm của UBND cấp xã hàng năm phải tổ chức ít nhất một lần hội nghị đối thoại, trao đổi với Nhân dân địa phương; tuy nhiên, cần quy định rõ trách nhiệm của chủ tịch UBND xã khi không tổ chức hoặc chậm tổ chức; có quy chế phối hợp với Mặt trận Tổ quốc cùng cấp để tăng cường hiệu quả giám sát.

*Sáu là*, hoàn thiện thể chế pháp lý về các quyền công dân gắn với giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước của chính quyền địa phương.

Cải cách thể chế bầu cử để bảo đảm dân chủ thực sự, phát huy vai trò giám sát của Nhân dân và yêu cầu đại biểu HĐND chịu

trách nhiệm trước cử tri địa phương. Đặc biệt, cần tăng cường sự gắn kết giữa đại biểu HĐND với cộng đồng dân cư mà mình đại diện. Chẳng hạn ở Anh, để được bầu vào Hội đồng địa phương thì ứng cử viên phải sinh sống tại địa phương từ 12 tháng trở lên và được ít nhất 10 cử tri giới thiệu. Ở Cuba, ứng cử viên hội đồng địa phương phải được đề cử bởi người dân cư trú tại địa phương. Bằng cơ chế này, người dân luôn nắm rõ thông tin về đại biểu mà mình bầu, đại biểu dân cử có sự gắn kết chặt chẽ với cử tri, phát huy tốt vai trò đại diện cho Nhân dân nơi mình được bầu. Việt Nam cũng có thể nghiên cứu, đổi mới cơ chế bầu cử phù hợp.

Ngoài ra, cần sớm hoàn thiện quy định cử tri trực tiếp bãi miễn đại biểu dân cử. Cần nhắc quyền đề nghị bãi nhiệm đại biểu dân cử của cử tri như Điều 41 *Hiến pháp* năm 1946, quy định số lượng chữ ký tối thiểu, trình tự, thủ tục rõ ràng cùng trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền trong việc xác minh chữ ký, xem xét, quyết định tổ chức bỏ phiếu về việc bãi nhiệm đại biểu.

Hoàn thiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo, bảo đảm các quy định về trình tự tiếp nhận khiếu nại, tố cáo đơn giản, gọn nhẹ, dễ thực hiện, trong đó có các hình thức thông qua đường dây nóng, qua đường bưu chính, qua email, cho phép tố cáo miệng...; chỉnh sửa, bổ sung những quy định còn thiếu sót, như: hướng dẫn về quyền tố cáo tiếp, giải quyết lại vụ việc tố cáo, giải quyết tố cáo trong trường hợp quá hạn quy định,...

Có quy định cụ thể về bảo vệ, động viên, khen thưởng người khiếu nại, tố cáo, bảo vệ nhân chứng, chứng cứ, xử lý cán bộ, công chức vi phạm pháp luật khiếu nại, tố cáo; đồng thời cũng cần có biện pháp xử lý nghiêm đối với các trường hợp khiếu nại, tố cáo không đúng sự thật. Hoàn thiện pháp luật về tố tụng hành chính; nghiên cứu ghi nhận quyền của người dân được yêu cầu xem xét tính hợp Hiến, hợp pháp của văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có văn bản của HĐND và UBND các cấp.

Đối với quyền kiến nghị, phản ánh cần ban hành các quy định cụ thể kèm theo biểu mẫu, cách thức, trình tự thực hiện quyền kiến nghị, phản ánh và các hoạt động đề xuất dân nguyện khác. Đồng thời, quy định rõ mức độ pháp lý của hoạt động tiếp nhận và giải quyết đơn kiến nghị, phản ánh của các cơ quan nhà nước nói chung và chính quyền địa phương nói riêng<sup>7</sup>.

Nghiên cứu mở rộng phạm vi trung cầu ý dân ở địa phương (quy định rõ phạm vi, nội dung, trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp trong tổ chức trung cầu ý dân; quy định trình tự, thủ tục, trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền trong thực hiện trung cầu ý dân; quy định rõ giá trị pháp lý của kết quả trung cầu ý dân ở địa phương; quy định vai trò giám sát của Nhân dân đối với quá trình tổ chức trung cầu ý dân). Xem xét cho phép cử tri có thể chủ động đề xuất tổ chức trung cầu ý dân về vấn đề cụ thể, sau đó chính quyền sẽ quyết định việc tổ chức trung cầu ý dân.

Hoàn thiện thể chế về quyền con người, quyền công dân, về thực hiện dân chủ ở cơ sở. Bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, quyền tự do ngôn luận, quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, quyền tự do hội họp và lập hội, quyền biểu tình,... trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam thừa nhận hoặc ký kết tham gia.

#### 4. Kết luận

Hoàn thiện thể chế pháp lý Nhân dân giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước của chính quyền địa phương ở Việt Nam phải bao trùm hoạt động thực thi quyền lực nhà nước của chính quyền địa phương, những vấn đề Nhân dân có khả năng giám sát, cần và nên được giám sát bởi Nhân dân. Mở rộng, đa dạng hóa các hình thức, phương pháp giám sát phù hợp, khả thi, thực chất. Xây dựng cơ chế tiếp nhận, tiếp thu ý kiến, xử lý và phản hồi giám sát gắn với ràng buộc trách nhiệm rõ ràng của cơ quan, cán bộ, công

chức địa phương có liên quan, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu. Bổ sung chế tài với trường hợp không tiếp nhận, tiếp nhận nhưng không phản hồi hoặc phản hồi chậm, phản hồi chiếu lệ mà không giải trình lý do xác đáng.

Hoàn thiện quy định hỗ trợ, khuyến khích, bảo vệ quyền, lợi ích của cá nhân, tổ chức khi họ thực hiện quyền giám sát. Về hình thức pháp luật, sửa đổi, bổ sung các quy định thiếu vắng, chưa rõ ràng hoặc có vướng mắc, bất cập, ban hành văn bản hướng dẫn với các trường hợp luật chưa quy định cụ thể. Cần nhắc xây dựng Luật về giám sát và phản biện xã hội hoặc Luật về giám sát của Nhân dân để bảo đảm tốt hơn quyền giám sát của Nhân dân đối với cơ quan nhà nước nói chung, chính quyền địa phương nói riêng□

#### Chú thích:

1. Hoàng Minh Hội (2021). *Pháp luật về quyền giám sát trực tiếp của Nhân dân đối với cơ quan nhà nước*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 106.
2. Đinh Thanh Phương (2018). *Mối quan hệ giữa quyền tiếp cận thông tin và quyền giám sát của Nhân dân*. Tạp chí Luật học số 5/2018, tr. 85.
3. Phan Trung Hiền (2017). *Bảo đảm quyền giám sát của công dân đối với việc lập, công bố và thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện*. <http://lapphap.vn>, ngày 01/9/2017.
4. Thiều Thu Hương (2021). *Những bất cập về sự tham gia của cộng đồng trong lập quy hoạch đô thị*. Tạp chí Quản lý nhà nước số 301, tháng 2/2021, tr. 69.
5. Thạch Phước Bình, Nguyễn Thị Bạch Mai (2019). *Đổi mới hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội từ thực tiễn tỉnh Trà Vinh*. Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 10/2019, tr. 28.
6. Phạm Thị Ngọc Dung (2021). *Nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở Việt Nam hiện nay*. H. NXB Lý luận chính trị, tr. 141.
7. Trần Quyết Thắng (Chủ nhiệm, 2024). *Kiểm soát thực hiện quyền lực nhà nước của chính quyền địa phương ở Việt Nam: Cơ sở lý luận và thực tiễn*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Học viện Hành chính Quốc gia, Hà Nội, tr. 160.